|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND |  *Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;*

*Căn cứ Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2033/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số …../2020/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 ban hành các nguyên tắc tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Tĩnh; Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 điều chỉnh thời kỳ ổn* *định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 sang thực hiện đến hết năm 2021;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2020 về việc xem xét, quyết định dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021; Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020, nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Dự toán phân bổ ngân sách nhà nước năm 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. Tổng dự toán thu ngân sách địa phương:** | **20.254.051** | **triệu đồng** |
| 1. Ngành thuế thu và thu khác các cấp ngân sách: | 7.000.000 | triệu đồng |
| 1.1. Thu thuế và phí: | 6.816.000 | triệu đồng |
| 1.2. Thu khác ngân sách các cấp: | 184.000 | triệu đồng |
| 2. Các khoản thu để lại chi qua quản lý nhà nước: | 133.091 | triệu đồng |
| 3. Thu thuế xuất, nhập khẩu: | 5.180.000 | triệu đồng |
| Tổng thu ngân sách trên địa bàn: | 12.293.091 | triệu đồng |
| *Trong đó: + Ngân sách Trung ương hưởng:* | *5.533.160* | *triệu đồng* |
|  *+ Ngân sách địa phương:* | *6.779.931* | *triệu đồng* |
| 4. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: | 12.811.620 | triệu đồng |
| 4.1. Bổ sung cân đối: | 5.950.191 | triệu đồng |
| 4.2. Bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương: | 1.146.938 | triệu đồng |
| 4.3. Bổ sung có mục tiêu: | 4.753.022 | triệu đồng |
| 4.4. Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện chế độ, chính sách của Trung ương: | 961.469 | triệu đồng |
| 5. Thu vay: | 262.500 | triệu đồng |
| 6. Dự kiến thu các nhiệm vụ chưa chi chuyển nguồn sang năm sau: | 400.000 | triệu đồng |
| **II. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương:** | **20.254.051** | **triệu đồng** |
| 1. Chi đầu tư phát triển: | 7.296.970 | triệu đồng |
| *Trong đó:* |  |  |
| 1.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: | 5.375.710 | triệu đồng |
| 1.2. Chi từ nguồn bội chi: | 262.500 | triệu đồng |
| 1.3. Chi đầu tư từ nguồn để lại theo chế độ quy định: | 1.658.760 | triệu đồng |
| a) Tiền thuê đất 2 đô thị, địa bàn các xã nông thôn mới: | 48.760 | triệu đồng |
| b) Nguồn xổ kiến kiến thiết: | 10.000 | triệu đồng |
| c) Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất: | 1.600.000 | triệu đồng |
| - Ngân sách tỉnh hưởng: | 270.615 | triệu đồng |
| *Trong đó:* |  |  |
| + Hoàn trả chi phí đầu tư theo Đề án phát triển quỹ đất (55% nguồn thu từ đề án quỹ đất): | 16.500 | triệu đồng |
| + Hỗ trợ lại đầu tư hạ tầng thành phố Hà Tĩnh từ nguồn thu quỹ đất sử dụng vốn vay Bộ Tài chính: | 36.000 | triệu đồng |
| + Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (10%): | 27.061 | triệu đồng |
| + Hỗ trợ lại địa phương từ nguồn thu do nhà đầu tư thực hiện gắn với mục tiêu xây dựng NTM: | 35.000 | triệu đồng |
| + Các dự án di dân, tái định cư, BT, GPMB | 156.054 | triệu đồng |
| - Ngân sách huyện: | 790.094 | triệu đồng |
| - Ngân sách xã: | 539.291 | triệu đồng |
| 2. Chi thường xuyên: | 11.157.495 | triệu đồng |
| *Trong đó:* |  |  |
| - Quản lý hành chính, nhà nước, đảng, đoàn thể: | 2.139.861 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: | 4.180.261 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp y tế: | 549.311 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch: | 154.796 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp khoa học công nghệ: | 53.553 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp đảm bảo xã hội: | 1.184.907 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp kinh tế: | 1.587.318 | triệu đồng |
| - Sự nghiệp môi trường: | 152.000 | triệu đồng |
| 3. Dự phòng ngân sách: | 314.186 | triệu đồng |
| 4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: | 1.340 | triệu đồng |
| 5. Chi trả nợ vay đến hạn: | 30.000 | triệu đồng |
| 6. Chi các nhiệm vụ từ thu chuyển nguồn năm trước: | 400.000 | triệu đồng |
| 7. Chi thực hiện một số nhiệm vụ khác: | 1.054.060 | triệu đồng |

*(Chi tiết tại Phụ lục số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08)*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách, điều hành chi ngân sách năm 2021 như Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tập trung đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các giải pháp phải hoàn thành và vượt kế hoạch của Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước; xây dựng các giải pháp, triển khai thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ, tổng mức, cơ cấu thu; đẩy mạnh biện pháp thu nợ đọng thuế, hạn chế tối đa nợ mới phát sinh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm thuế; cải cách, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong sản xuất kinh doanh và thực hiện chính sách thuế.

2. Điều hành ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, chủ trương cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên tương ứng trên cơ sở rà soát biên chế và cắt giảm các khoản chi hành chính, gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công; cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực; đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, chi an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội; tập trung dành nguồn kinh phí để phòng, chống dịch Covid-19, khắc phục thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần trả nợ đầu tư xây dựng cơ bản và các nhiệm vụ cấp bách khác.

Tập trung chỉ đạo tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Bố trí kinh phí từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất hỗ trợ mua xi măng làm đường giao thông và kênh mương nội đồng; thực hiện tiết kiệm các khoản chi ngân sách, huy động, lồng ghép các nguồn vốn ngân sách khác để bổ sung nguồn lực đảm bảo thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh.

3. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi và đôn đốc các nhà đầu tư triển khai các dự án đảm bảo tiến độ. Kiểm soát chặt chẽ tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản theo Chỉ thị số 07/CT-TTg, ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định đầu tư dự án phải xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và phù hợp với kế hoạch đã giao. Bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã phê duyệt quyết toán trước năm kế hoạch, công trình thuộc nhóm B, nhóm C đã quá hạn hoàn thành theo quy định. Đẩy nhanh giải ngân các nguồn vốn, công tác quyết toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung phát sinh, điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách; trên cơ sở thực tiễn điều hành ngân sách của năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung dự toán và phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;- Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Kiểm toán nhà nước khu vực II;- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;- Đại biểu Quốc hội đoàn tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Văn phòng Tỉnh uỷ;- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Trang thông tin điện tử tỉnh;- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |



 



















